

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/10/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RP3	7:25	2+18	0+0		0+22	0+0	
2		RC4+RC5+RP3	7:25	10+9+1	0+0+0		4+10+8	0+0+0	
3		RC8+RP1+RP2	7:25	6+14+0	0+0+0		4+14+4	0+0+0	
4		VSP02+C10	9:25	19+2	0+0		16+6	0+0	
5		RCDM+RP1+P2	9:25	7+8+0	0+0+0		9+9+4	0+0+0	CHUYEN 1 RCDM-RP1,4 RCDM-P2
6		RC6+VSP02	9:25	6+15	0+0		5+17	0+0	
7		RC4+RC5+RP1	11:25	6+2+7	0+0+0		5+7+10	0+0+0	
8		P9+P6+RP3	11:25	1+6+8	0+0+0		6+0+16	0+0+0	CHUYEN 1 P9- P6

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
C10 2-CƠ ĐIỆN VỀ BỜ ĐI KNT NGÀY 15/10



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD2 - RP3	CREW: LINH - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3995	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ARKADIY PERMYAKOV	TD2	24	1	10			88	NOVOMET	Russian
2	ARTUR NABIEV	TD2	23	1	9			87	NOVOMET	Russian
3	NGUYEN HOAI THANH	RP3	13	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	92	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
5	HA VAN NIN	RP3	12	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CONG SOAI	RP3	93	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	03	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN MẠNH QUANG	RP3	06	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ QUANG HÙNG	RP3	99,400	2	15			77	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM MINH TOÀN	RP3	08-09	2	15	5	90	57	YTE	Vietnamese
11	VŨ QUỐC THỐNG	RP3	94	1	7	2	14	80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG TRUNG HIỆU	RP3	07	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	01	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	02	1	2			75	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI SY CONG	RP3	91	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH QUANG THANH	RP3	97-98	2	13			73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	10-11	2	15			57	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC SƠN	RP3	04-05	2	11			79	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU MẠU	RP3	95-96	2	14			63	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH TẤN NGON	RP3	90	1	2			77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	2	175	2	19	0	0	0		
2	RP3	18	1.260	24	141	7	104	22		
TOTAL		20	1.435	26	160	7	104	22		
WEIGHT KG			1.435		160		104			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGÔ VĂN LINH
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: RC4 - RC5 - RP3	CREW: KHOÀN - TTRUNG - THÀNH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3998	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN ĐANG NGOC NAM	RC4						83	D-HANH	Vietnamese
2	NGO VIET PHUONG	RC4						82	D-HANH	Vietnamese
3	KRAMARENKO V.V.	RC4	52	1	3			67	KH-THAC	Russian
4	NGO HUU HUY TU	RC4				2	35	74	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN MINH THI	RC4	54	1	10			109	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ THANH TU	RC4	57	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH SON	RC4	55-56	2	9			74	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ HUY HOANG	RC4	60	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC HUY	RC4	58	1	13			84	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI SONG TOAN	RC4	53	1	4			70	DK9	Vietnamese
11	PEREKRESTOV P.V	RC5	78	1	2			105	D-HANH	Russian
12	MIRSAIAPOV R.R.	RC5	79	1	3	2	40	104	KH-THAC	Russian
13	LÊ ĐỨC TOAN	RC5	77	1	3			81	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO THANH HOP	RC5	81-82	2	21			68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN BA THUẬN	RC5	87	1	2			65	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HÂN	RC5	84	1	5	2	21	78	KH-THAC	Vietnamese
17	LUƠNG TUẤN ANH	RC5	88	1	10			77	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN KIM THẠCH	RC5	83	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
19	KIEU MINH QUYET	RC5	80	1	3			64	PSV	Vietnamese
20	TRẦN QUY HAI	RP3	47	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC4	10	797	8	52	2	35	4		
2	RC5	9	708	10	53	4	61	10		
3	RP3	1	63	1	4	0	0	8		
TOTAL		20	1.568	19	109	6	96	22		
WEIGHT KG			1.568		109		96			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: RC8 - RP1 - RP2	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT:		VNHS FLIGHT: TM25/4001	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HUYNH MINH SANG	RC8	66	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
2	CHU TIEN BINH	RC8	08-10	3	17			63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH HUNG	RC8	71	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH THAM	RC8	70	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TAT TAM	RC8	67	1	5			51	PSV	Vietnamese
6	TÔ HỮU THĂNG	RC8	68-69	2	10			81	DK9	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TUNG	RP1	50	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN TUẤN ANH	RP1	60	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC TU	RP1	46	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ THANH TUNG	RP1	49	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	52	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BA DUY	RP1	56	1	4	2	20	58	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TRI KHANH	RP1	57	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY NGỌC	RP1	59	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NANG	RP1	51	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI QUANG HOAN	RP1	47-48	2	11			100	YTE	Vietnamese
17	ĐO VĂN THANH	RP1	55	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH MINH TRI	RP1	58	1	4			51	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN XUÂN THANH	RP1	53	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
20	TÀNG THÀNH DÂN	RP1	54	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN QUANG THOAI	RP1	43	1	10			70	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC8	6	416	9	49	0	0	4		
2	RP1	15	1.029	16	96	2	20	14		
3	RP2	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	1.445	25	145	2	20	22		
WEIGHT KG			1.445		145		20			

GRAND TOAL: 1.610 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
 NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: VSP02 - CLO	CREW: LINH - MTHAO - MQUÂN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3996	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DUCHENKO A.L.	VSP02	82	1	3			136	KH-THAC	Russian
2	SERGIENKO S.E.	VSP02	81	1	8			83	KH-THAC	Russian
3	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	88	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
4	DUƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	84	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	VSP02	91	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ THANH HAI	VSP02	95-96	2	13			97	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN KINH	VSP02						63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	94	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	VSP02	99	1	5			75	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN DŨ	VSP02	83	1	18			73	YTE	Vietnamese
11	PHAN VIỆT QUANG	VSP02	86	1	9	1	8	76	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO QUỐC TRÌNH	VSP02	98	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM DUY QUANG	VSP02						68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	89-90	2	15			51	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	97	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	85	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ CÔNG HUY	VSP02	87	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔ VĂN HÙNG	VSP02	93	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	92	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
20	KHLEBNIKOV A.	CLO	02-03	2	20			121	KHOAN	Russian
21	TRẦN QUANG THANH	CLO	04	1	12	3	60	58	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	19	1.406	19	123	1	8	16		
2	CLO	2	179	3	32	3	60	6	+100KG CARGO VỀ V.TAU	
TOTAL		21	1.585	22	155	4	68	22		
WEIGHT KG			1.585		155		68			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YÊN

CREW

NGÔ VĂN LINH
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:RCDM - RP1 - P2	CREW: XHOAN - TTRUNG - THÀNH	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3999	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ CHÍ BAO	RCDM				2	30	76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG TIN	RCDM	81	1	11			86	KH-THAC	Vietnamese
3	TU TUAN TU	RCDM	87	1	6			90	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG HUNG	RCDM	34	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ANH QUANG	RCDM	86	1	15			80	CODIEN	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	RCDM	84	1	10	1	15	74	CODIEN	Vietnamese
7	HỒ TRỌNG BĂNG	RCDM	82-83	2	20			75	PSV	Vietnamese
8	VŨ THĂNG	RP1	33	1	14			93	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT HUNG	RP1	40	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN LỢI	RP1	32	1	12			62	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VĂN ĐÔNG	RP1	36	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CHÍ CÔNG	RP1	37	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN LÊ MINH QUANG	RP1	34-35	2	14			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN TỬ	RP1	41-42	2	14			85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	RP1	38-39	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RCDM	7	555	7	69	3	45	9	15	CHUYEN 1 PAX RCDM-RP1
2	RP1	8	579	11	84	0	0	9		CHUYEN 4 PAX RCDM-P2
3	P2	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		15	1.134	18	153	3	45	22		
WEIGHT KG			1.134		153		45			

GRAND TOAL: 1.332 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:58
B.CARD: VANG-2	TO: RC6 - VSP02	CREW: HUNG - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4002	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VŨ QUANG TUYỀN	RC6	68	1	9	1	20	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG DUNG	RC6	67	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI QUỐC VIỆT	RC6	65	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LA	RC6	66	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC NHAN	RC6	69	1	10	1	11	78	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HIỆP	RC6	64	1	9			75	PSV	Vietnamese
7	VŨ TÂN LINH	VSP02	69	1	9			58	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HỮU TRI	VSP02						72	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	02	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
10	LŨ SƠN	VSP02	64	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
11	LUƠNG HOANG ĐẠT	VSP02	67	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI NGUYỄN QUANG	VSP02	66	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN PHƯƠNG	VSP02	62-63	2	8			86	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI HUY BÌNH	VSP02	65	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	VSP02	900	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ THAI SƠN	VSP02	71	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
17	HA MẠNH THĂNG	VSP02	04	1	4			53	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	72	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TRỌNG TUẤN	VSP02	70	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN MINH CƯỜNG	VSP02	01	1	3			81	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ XUÂN TOÀN	VSP02	03	1	3			80	PSV	Vietnamese
22	LE HUU HA	VSP02	68	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	6	436	6	46	2	31	5		
2	VSP02	16	1.139	16	78	0	0	17		
TOTAL		22	1.575	22	124	2	31	22		
WEIGHT KG			1.575		124		31			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH - 3	TO: RP1 - RC4 - RC5	CREW: VTHANG - N.ANH - DTUNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/3997	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN THANH SON	RP1	89-90	2	19			59	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC SON	RP1	84-85	2	14			64	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TRUYEN	RP1	82-83	2	16			59	XAYLAP	Vietnamese
4	THINH VIET HUNG	RP1	88	1	11			72	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐANG ANH TUAN	RP1	86-87	2	15			50	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC PHAT	RP1	92-93	2	23			67	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAM THANH HUNG	RP1	99	1	4			62	PSV	Vietnamese
8	LUU VAN BINH	RP1	91	1	11			79	DUYLINH	Vietnamese
9	CAO THE HUNG	RP1	95	1	10			63	DUYLINH	Vietnamese
10	VO MINH KHANG	RP1	94	1	4			58	DUYLINH	Vietnamese
11	DANG TRONG DUONG	RP1	96	1	10			65	DUYLINH	Vietnamese
12	PHAM XUAN THE	RP1	97-98	2	18			58	DUYLINH	Vietnamese
13	TRUONG TAN LOI	RC4	16	1	12			70	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN ĐẠT	RC4	12,65	2	10			67	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐANG THANG LONG	RC4	66-67	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN MANH TUNG	RC4	68-69	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN KHAC SON	RC4	70-71	2	19	3	74	91	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI TRUNG SON	RC4	63	1	6			69	PSV	Vietnamese
19	BUI THO SON	RC5						73	BA SON	Vietnamese
20	BUI THO BAN	RC5	67	1	9			72	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	12	756	18	155	0	0	10		
2	RC4	6	440	10	85	3	74	5		
3	RC5	2	145	1	9	0	0	7		
TOTAL		20	1.341	29	249	3	74	22		
WEIGHT KG			1.341		249		74			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: Cam 3	TO: P9 - P6 - RP3	CREW: DUONG - SON - QTRUONG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/4000	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TELESHENKO IVAN	P9	88	1	18			98	KHOAN	Russian
2	NGUYEN MANH HOANG	P9	90-91	2	19			84	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM VAN TRI	P6	73	1	9	3	60	72	KHOAN	Vietnamese
4	VU TRAN TRUNG	P6	80-81	2	17			72	CODIEN	Vietnamese
5	TRAN MINH HOANG	P6	76	1	11	4	20	84	CODIEN	Vietnamese
6	PHAM VAN MANH	P6	79	1	9			78	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN TUAN ANH	P6	82	1	14			67	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HOAI	P6	72	1	7			57	PSV	Vietnamese
9	ĐANG TRỌNG THỨC	RP3	30	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM QUỐC CHÈ	RP3	25	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NAM TRUNG	RP3	24	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
12	IUKHIMCHUK A.G.	RP3	23	1	11			82	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	RP3	29	1	14			67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH VĂN TÂM	RP3	28	1	10			64	KH-THAC	Vietnamese
15	VU MINH TUNG	RP3	26-27	2	17			68	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ DANH NGỌC	RP3	21-22	2	16			80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	2	182	3	37	0	0	6	1	CHUYEN 1 PAX P9-P6
2	P6	6	430	7	67	7	80	0		
3	RP3	8	549	10	80	0	0	16		
TOTAL		16	1.161	20	184	7	80	22		
WEIGHT KG			1.161		184		80			

GRAND TOAL: 1.425 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHẠM THÁI SƠN